TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 12 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Kết.

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị K, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T1ùng, tỉnh Cà Mau – Căn cước công dân số 096181016003, cấp ngày 18/11/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, tỉnh Cà Mau - Giấy chứng minh nhân dân số 381454435, cấp ngày 17/02/2012 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Lê Thị K, thể hiện*:

Bà Lê Thị K và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2015 (nay là xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau). Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Tình thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình. Từ nguyên nhân trên, bà K xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông Tình.

Về con chung, gồm: Đoàn Đăng K1, sinh ngày 18/8/2014 do bà K nuôi dưỡng và Đoàn Thảo Q1, sinh ngày 04/10/2020 do ông Tình đang nuôi dưỡng. Khi nộp đơn khởi kiện, bà K giao Đăng K1 và Thảo Q1 cho ông T nuôi dưỡng. Sau khi Tòa án ghi nguyện vọng của Đăng Khôi, bà K yêu cầu được nuôi Đăng

K1 và đồng ý giao Thảo Q1 cho ông T tiếp tục nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với ông Đoàn Văn T*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông T không có ý kiến gì về các nội dung bà K yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đoàn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tình là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị K và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2015 (nay là xã Q, tỉnh Cà Mau). Theo bà K, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Tình thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình; từ đó bà K xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông T; ông T không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của bà K.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của bà K và ông T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, bà K yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông Tình đều vắng mặt, thể hiện việc ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà K ly hôn với ông Tình là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu về việc nuôi con sau khi ly hôn của bà K, thấy rằng:

Theo bà K thì hiện nay bà đang nuôi Đăng K1 còn ông T đang nuôi Thảo Q1, khi ly hôn bà K yêu cầu giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay.

Xét thấy, Đăng Khôi do bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng, việc bà K yêu cầu được nuôi Đăng K1 phù hợp với nguyện vọng của cháu và bà K đồng ý giao Thảo Q cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng; ông T không có ý kiến gì về nội dung này; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên việc nuôi dưỡng như hiện nay là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Bà K xác định không có; ông T không có ý kiến nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà K phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K. Cho bà K được ly hôn với ông Đoàn Văn T (giấy chứng nhận kết hôn số 54/2015 ngày 08/5/2015 của UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau).

2. Về con chung: Giao Đoàn Đăng K1, sinh ngày 18/8/2014 cho bà Lê Thị K và giao Đoàn Thảo Q1, sinh ngày 04/10/2020 cho ông Đoàn Văn T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị K phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0000781 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì bà K đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn